

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	09.12.2003	Quảng Ninh		
2	B00002	Phạm Huyền	Anh	Nữ	22.06.2003	Quảng Ninh		
3	B00003	Cao Thị Bảo	Anh	Nữ	16.09.2001	Nghệ An		
4	B00004	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	06.05.1997	Hà Nội		
5	B00005	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	16.10.1994	Hà Nội		
6	B00006	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	20.10.2002	Thanh Hoá		
7	B00007	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	05.07.2003	Thanh Hoá		
8	B00008	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	04.07.2003	Thanh Hoá		
9	B00009	Phạm Mai	Anh	Nữ	25.07.2004	Hà Nội		
10	B00010	Đặng Hiếu Nam	Anh	Nam	28.11.2002	Hà Nội		
11	B00011	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	20.01.2003	Thanh Hoá		
12	B00012	Nguyễn Thế	Anh	Nam	09.09.2003	Hà Nam		
13	B00013	Vũ Tuấn	Anh	Nam	06.07.2002	Nam Định		
14	B00014	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	22.12.2002	Thanh Hóa		
15	B00015	Dương Minh	Anh	Nữ	23.08.2003	Hà Nội		
16	B00016	Đậu Thị Ngọc	Anh	Nữ	26.06.2003	Nghệ An		
17	B00017	Bùi Thị Phương	Anh	Nữ	28.12.2003	Thái Bình		
18	B00018	Trần Tuấn	Anh	Nam	14.07.2002	Lào Cai		
19	B00019	Lại Thị Vân	Anh	Nữ	28.03.2003	Thái Bình		
20	B00020	Vũ Xuân	Bách	Nam	30.05.2003	Thái Bình		
21	B00021	Nguyễn An	Bình	Nam	12.10.2003	Hung Yên		
22	B00022	Lê Ngọc	Cẩm	Nữ	14.01.2001	Hà Tĩnh		
23	B00023	Nguyễn Phan Hồng	Chi	Nữ	06.03.2002	Lâm Đồng		
24	B00024	Dương Đào Linh	Chi	Nữ	22.05.2003	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00025	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	19.04.2003	Hải Phòng		
2	B00026	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	30.10.2001	Quảng Ninh		
3	B00027	Lục Văn	Dân	Nam	20.10.2003	Cao Bằng		
4	B00028	Phạm Quốc	Đạt	Nam	24.06.2003	Hà Nội		
5	B00029	Phạm Văn	Đạt	Nam	19.02.2003	Thanh Hoá		
6	B00030	Phạm Văn	Đông	Nam	13.06.1986	Vĩnh Phúc		
7	B00031	Nguyễn Giang	Đông	Nam	03.09.2003	Hà Nội		
8	B00032	Nguyễn Tâm	Du	Nữ	14.03.2002	Hà Nội		
9	B00033	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	24.06.2002	Phú Thọ		
10	B00034	Nguyễn Minh	Đức	Nam	28.12.2002	Hà Nội		
11	B00035	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	26.09.2001	Hà Nội		
12	B00036	Phan Thị	Dung	Nữ	30.07.1988	Hà Nội		
13	B00037	Trần Thị	Dung	Nữ	08.08.2003	Thanh Hoá		
14	B00038	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24.07.2001	Hà Nội		
15	B00039	Nguyễn Phú	Dũng	Nam	19.08.2003	Hòa Bình		
16	B00040	Hà Vũ	Dương	Nam	15.03.2003	Hải Phòng		
17	B00041	Trần Thị Thuý	Dương	Nữ	05.11.2003	Hà Nội		
18	B00042	Đặng Văn	Dương	Nam	27.10.2002	Cao Bằng		
19	B00043	Nguyễn Phúc	Dương	Nam	15.09.2003	Hà Tây		
20	B00044	Bùi Thị Thuý	Dương	Nữ	20.03.2003	Hòa Bình		
21	B00045	Nguyễn Văn	Duy	Nam	02.12.2003	Hải Dương		
22	B00046	Cao Thị	Duyên	Nữ	19.05.1996	Nghệ An		
23	B00047	Bùi Thuý	Duyên	Nữ	04.08.2002	Nam Định		
24	B00048	Nguyễn Thị	Duyên	nữ	04.10.2003	Hải Dương		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00049	Vũ Thị Linh	Giang	Nữ	03.06.2003	Phú Thọ		
2	B00050	Vi Trường	Giang	Nam	12.11.2002	Bắc Giang		
3	B00051	Nguyễn Hà	Giang	Nữ	07.11.2003	Hà Nội		
4	B00052	Đoàn Thị Hương	Giang	Nữ	21.11.2002	Hải Dương		
5	B00053	Ngô Đình	Giăng	Nam	26.08.2003	Hà Nội		
6	B00054	Triệu Quỳnh	Giao	Nữ	24.10.2000	Lạng Sơn		
7	B00055	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22.06.2003	Hà Tây		
8	B00056	Vũ Nguyễn Nhật	Hạ	Nữ	08.10.2003	Hòa Bình		
9	B00057	Hà Thị	Hải	Nữ	22.02.2003	Yên Bái		
10	B00058	Nguyễn Tuấn	Hải	Nam	21.04.2003	Thanh Hóa		
11	B00059	Phan Thị Thuý	Hằng	Nữ	10.01.2000	Hà Nội		
12	B00060	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	05.10.1996	Hung Yên		
13	B00061	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15.05.2002	Thanh Hóa		
14	B00062	Hà Thị Bích	Hạnh	Nữ	08.04.2003	Tuyên Quang		
15	B00063	Nhân Thị	Hiền	Nữ	21.02.2002	Hà Nội		
16	B00064	Trần Thị	Hiền	Nữ	25.10.1997	Lào Cai		
17	B00065	Nguyễn Minh	Hiền	Nữ	07.03.2001	Hà Nội		
18	B00066	Phạm Thị	Hiền	Nữ	04.08.2002	Hà Tĩnh		
19	B00067	Trần Khánh	Hiền	Nữ	21.01.2002	Hòa Bình		
20	B00068	Giàng Thị Thu	Hiền	Nữ	03.09.2003	Sơn La		
21	B00069	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	10.04.2003	Hà Tĩnh		
22	B00070	Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	13.02.2002	Nam Định		
23	B00071	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	25.08.2003	Vĩnh Phúc		
24	B00072	Đặng Quốc	Hiếu	Nam	08.11.2002	Ninh Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00073	Hà Thị	Hoà	Nữ	20.04.2002	Hòa Bình		
2	B00074	Tô Thị Thu	Hoài	Nữ	11.08.2000	Vĩnh Phúc		
3	B00075	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	25.05.2003	Bắc Giang		
4	B00076	Bùi Thị Thu	Hồng	Nữ	28.07.2003	Hòa Bình		
5	B00077	Đỗ Văn	Hợp	Nam	15.06.2002	Thanh Hoá		
6	B00078	Nguyễn Thị	Huân	Nữ	25.12.1976	Thanh Hoá		
7	B00079	Tạ Công	Huân	Nam	14.08.2003	Thái Bình		
8	B00080	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	06.12.2003	Yên Bái		
9	B00081	Lê Ngọc	Hung	Nam	01.09.1993	Hà Nội		
10	B00082	Nguyễn Danh Thành	Hung	Nam	30.06.2005	Hải Phòng		
11	B00083	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	16.01.1983	Hà Nội		
12	B00084	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	15.10.2004	Quảng Ninh		
13	B00085	Nguyễn Diệu	Hương	Nữ	16.08.2003	Thanh Hóa		
14	B00086	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	12.07.2003	Hòa Bình		
15	B00087	Hoàng Thị	Hương	Nữ	27.11.1990	Nam Định		
16	B00088	Nguyễn Thị Thanh	Hường	Nữ	21.11.1997	Hà Nội		
17	B00089	Hoàng Nhật	Huy	Nam	25.07.2003	Hòa Bình		
18	B00090	Vũ Hoàng Quang	Huy	Nam	19.10.2006	Thanh Hoá		
19	B00091	Trần Phương	Huy	Nam	24.09.2004	Sơn La		
20	B00092	Phạm Thị	Huyền	Nữ	04.01.2001	Hải Dương		
21	B00093	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	03.03.1999	Nghệ An		
22	B00094	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05.03.1990	Hà Tĩnh		
23	B00095	Tạ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05.02.2003	Phú Thọ		
24	B00096	Đinh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	09.07.2003	Hà Nam		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00097	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	06.06.2003	Thái Bình		
2	B00098	Bùi Thị Thanh	Huyền	Nữ	23.07.2003	Hòa Bình		
3	B00099	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	13.12.2003	Yên Bái		
4	B00100	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	22.03.2001	Hà Nội		
5	B00101	Nguyễn Hữu	Khiết	Nam	30.05.2002	Bình Phước		
6	B00102	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	02.02.2005	Bắc Ninh		
7	B00103	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	10.03.2002	Hà Nội		
8	B00104	Nguyễn Thị Bạch	Kim	Nữ	24.04.1988	Hải Dương		
9	B00105	Đào Ngọc	Lâm	Nam	27.02.1998	Phú Thọ		
10	B00106	Nguyễn Đức Thanh	Lâm	Nữ	13.11.2002	Bắc Ninh		
11	B00107	Trần Mai	Lan	Nữ	02.08.2003	Ninh Bình		
12	B00108	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	26.09.2004	Ninh Bình		
13	B00109	Phạm Thị	Lan	Nữ	20.12.2003	Thanh Hoá		
14	B00110	Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	10.02.2003	Thanh Hoá		
15	B00111	Nguyễn Phương	Lan	Nữ	11.11.2003	Hải Dương		
16	B00112	Nguyễn Đức	Lập	Nam	23.11.1999	Hải Dương		
17	B00113	Trần Thị	Lê	Nữ	28.01.2004	Nghệ An		
18	B00114	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	25.04.2003	Thanh Hoá		
19	B00115	Nguyễn Kim	Liên	Nữ	12.10.2003	Phú Thọ		
20	B00116	Dương Thuý	Liên	Nữ	18.06.2003	Tuyên Quang		
21	B00117	Nguyễn Thị Ngọc	Liễu	Nữ	05.06.2003	Thái Nguyên		
22	B00118	Lê Phương	Linh	Nữ	11.11.2001	Hà Nội		
23	B00119	Lê Khánh	Linh	Nữ	01.11.2003	Quảng Ninh		
24	B00120	Vũ Thị	Linh	Nữ	22.07.2001	Hưng Yên		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00121	Đỗ Thị Mỹ	Linh	Nữ	30.07.1997	Hà Nội		
2	B00122	Lại Thuỳ	Linh	Nữ	09.09.2002	Hà Nam		
3	B00123	Tô Hải	Linh	Nữ	01.03.2002	Hà Nội		
4	B00124	Ngô Diệu	Linh	Nữ	23.07.2003	Hà Nội		
5	B00125	Lê Bá Gia	Linh	Nam	15.08.2003	Thanh Hoá		
6	B00126	Kiềng Thuỳ	Linh	Nữ	30.11.2003	Lạng Sơn		
7	B00127	Trần Thị Hà	Linh	Nữ	12.12.2003	Hải Phòng		
8	B00128	Lã Thị Mai	Linh	Nữ	11.09.2003	Nam Định		
9	B00129	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	18.08.2002	Hà Nội		
10	B00130	Lê Thị Thanh	Loan	Nữ	15.10.2003	Hà Nam		
11	B00131	Triệu Hoàng	Long	Nam	09.04.1991	Tiếp Khắc		
12	B00132	Trần Đức	Long	Nam	11.10.2003	Thái Bình		
13	B00133	Nguyễn Đại	Long	Nam	28.09.2005	Đà Nẵng		
14	B00134	Nguyễn Đức	Long	Nam	05.05.2003	Hà Nội		
15	B00135	Đỗ Bá	Long	Nam	10.11.2003	Tuyên Quang		
16	B00136	Vũ Hải	Long	Nam	19.01.2001	Hà Nội		
17	B00137	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	20.09.1989	Hòa Bình		
18	B00138	Đỗ Thị Hiền	Lương	Nữ	21.11.2003	Ninh Bình		
19	B00139	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	19.10.2003	Hà Nội		
20	B00140	Nguyễn Diệu	Ly	Nữ	21.08.2003	Hà Nội		
21	B00141	Lò Hoàng Nhật	Ly	Nữ	10.10.2004	Sơn La		
22	B00142	Trần Hồng	Mai	Nữ	18.11.2004	Nam Định		
23	B00143	Trần Phương	Mai	Nữ	18.08.2003	Hải Phòng		
24	B00144	Vũ Thị	Mai	Nữ	27.02.2003	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00145	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	29.03.2003	Thanh Hóa		
2	B00146	Vũ Đức	Mạnh	Nam	26.10.2000	Nam Định		
3	B00147	Nguyễn Thái Tường	Minh	Nữ	13.07.2003	Hà Nội		
4	B00148	Lê Thị Hồng	Minh	Nữ	23.09.2004	Hà Nam		
5	B00149	Cao Thị Nhật	Minh	Nữ	03.05.2003	Quảng Ninh		
6	B00150	Nguyễn Quang	Minh	Nam	30.10.2003	Gia Lai		
7	B00151	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	01.09.1985	Hà Nội		
8	B00152	Kha Thị	Mùi	Nữ	03.12.2003	Nghệ An		
9	B00153	Đinh Hải	My	Nữ	06.07.2000	Hà Nội		
10	B00154	Hồ Trà	My	Nữ	07.11.2003	Nghệ An		
11	B00155	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	06.06.2003	Bắc Ninh		
12	B00156	Hà Thị	Na	Nữ	25.01.2002	Nghệ An		
13	B00157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	26.03.2003	Hải Phòng		
14	B00158	Lê Phương	Nam	Nam	25.09.2003	Phú Thọ		
15	B00159	Đinh Bá	Nam	Nam	28.01.2003	Bắc Ninh		
16	B00160	Ma Trường	Nam	Nam	10.02.2003	Bắc Kạn		
17	B00161	Bùi Nguyễn Phương	Nam	Nam	24.03.2003	Thanh Hóa		
18	B00162	Hà Đặng	Nam	Nam	04.11.2003	Sơn La		
19	B00163	Quách Quỳnh	Nga	Nữ	06.06.1999	Hải Dương		
20	B00164	Lường Thị	Nga	Nữ	18.10.2004	Điện Biên		
21	B00165	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	29.08.2002	Hà Nội		
22	B00166	Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	14.05.2002	Nam Định		
23	B00167	Chử Thuý	Ngân	Nữ	30.12.2003	Hà Nội		
24	B00168	Trịnh Thị	Ngân	Nữ	05.11.2002	Thanh Hoá		
25	B00169	Võ Thị	Ngân	Nữ	28.12.2003	Hà Tĩnh		
26	B00170	Phùng Thị Hiếu	Nghĩa	Nữ	23.06.2003	Ninh Bình		
27	B00171	Đỗ Trọng	Nghĩa	Nam	05.11.2003	Hà Nội		
28	B00172	Nguyễn Văn	Nghiệp	Nam	03.03.2002	Hà Nội		
29	B00173	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	01.10.2002	Hà Nội		
30	B00174	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	14.04.2000	Hòa Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 30

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (508 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00175	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	11.11.2001	Hà Nội		
2	B00176	Phạm Thị Minh	Ngọc	Nữ	01.10.2003	Phú Thọ		
3	B00177	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	Nữ	05.11.1998	Hà Nội		
4	B00178	Đỗ Trường	Nguyên	Nam	07.11.2003	Nam Định		
5	B00179	Bùi Lâm	Nguyên	Nam	23.04.2003	Thanh Hóa		
6	B00180	Trương Thị	Nguyệt	Nữ	08.04.2003	Nghệ An		
7	B00181	Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	31.05.2003	Sơn La		
8	B00182	Vi Thị	Nhàn	Nữ	14.03.2001	Thanh Hóa		
9	B00183	Hoàng Việt	Nhật	Nam	27.03.2003	Cao Bằng		
10	B00184	Lê Cao Hoàng	Nhật	Nữ	05.01.2003	Thanh Hóa		
11	B00185	Nguyễn Kiều	Nhi	Nữ	03.05.2004	Sơn La		
12	B00186	Trần Yến	Nhi	Nữ	16.12.2003	Nghệ An		
13	B00187	Hoàng Vũ Lâm	Nhi	Nữ	02.12.2003	Nghệ An		
14	B00188	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	12.01.2002	Bắc Ninh		
15	B00189	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	08.02.2002	Nam Định		
16	B00190	Đàm Thị Hồng	Nhung	Nữ	18.06.2003	Hà Nội		
17	B00191	Phạm Thị	Nuôi	Nữ	03.10.2002	Hà Tĩnh		
18	B00192	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	30.07.1997	Nam Định		
19	B00193	Phạm Thị Mai	Phương	Nữ	02.12.2003	Ninh Bình		
20	B00194	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	24.06.2003	Hà Tĩnh		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 09 (606 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00195	Nguyễn Thị Hà	Phuong	Nữ	11.11.2002	Hà Tĩnh		
2	B00196	Trần Thị	Phuong	Nữ	15.01.2003	Hải Dương		
3	B00197	Đỗ Gia	Quý	Nam	10.04.1999	Hà Nội		
4	B00198	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	01.02.2003	Vĩnh Phúc		
5	B00199	Nguyễn Khắc	Son	Nam	13.10.2003	Hà Nội		
6	B00200	Nguyễn Hồng	Son	Nam	05.04.2003	Hà Nội		
7	B00201	Nguyễn Đức	Tài	Nam	02.04.1993	Hà Nội		
8	B00202	Tái Thành	Tám	Nữ	22.09.2003	Tuyên Quang		
9	B00203	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	22.06.2002	Thái Bình		
10	B00204	Đinh Thị	Tâm	Nữ	29.04.2003	Hòa Bình		
11	B00205	Lê Thị Mỹ	Tâm	Nữ	10.02.2002	Thanh Hóa		
12	B00206	Giáp Thị Lương	Thanh	Nữ	01.08.2002	Bắc Giang		
13	B00207	Cà Thị	Thanh	Nữ	19.12.2003	Sơn La		
14	B00208	Nguyễn Tuấn	Thành	Nam	03.10.2001	Quảng Ninh		
15	B00209	Nguyễn Đình	Thành	Nam	25.08.2003	Hà Nội		
16	B00210	Bùi Trung	Thành	Nam	03.10.2003	Hà Nội		
17	B00211	Bùi Hà	Thành	Nữ	27.09.2003	Hòa Bình		
18	B00212	Phạm Thị Ngọc	Thành	Nữ	22.03.2002	Hà Tĩnh		
19	B00213	Nguyễn Thị Sông	Thao	Nữ	16.04.2001	Thanh Hoá		
20	B00214	Phạm Bùi Phương	Thảo	Nữ	11.04.1999	Bắc Giang		
21	B00215	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	04.01.2002	Lai Châu		
22	B00216	Ma Thị Phương	Thảo	Nữ	13.06.2002	Yên Bái		
23	B00217	Nguyễn Đắc	Thảo	Nam	28.01.2003	Hải Phòng		
24	B00218	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08.04.2003	Nghệ An		
25	B00219	Trịnh Thị Thu	Thảo	Nữ	31.07.2003	Hà Nam		
26	B00220	Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	13.10.2002	Lào Cai		
27	B00221	Đinh Duy	Thật	Nam	13.02.2003	Phú Thọ		
28	B00222	Đinh Thị	Thêm	Nữ	09.09.1996	Ninh Bình		
29	B00297	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	09.11.2003	Hòa Bình		
30	B00298	Đoàn Thị	Hương	Nữ	23.04.2004	Hung Yên		
31	B00299	Tạ Minh	Khiết	Nam	24.10.2003	Ninh Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 31

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 10 (607 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00223	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	07.03.2002	Bắc Ninh		
2	B00224	Trần Đức	Thiện	Nam	14.12.2002	Hà Nội		
3	B00225	Ngô Thị	Thinh	Nữ	09.04.2003	Nghệ An		
4	B00226	Phạm Thị Lan	Thom	Nữ	13.01.1997	Hà Nội		
5	B00227	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20.09.1992	Ninh Bình		
6	B00228	Trần Thị	Thu	Nữ	08.01.1988	Ninh Bình		
7	B00229	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	23.10.2003	Hà Nội		
8	B00230	Trần Thị Hoài	Thư	Nữ	28.05.2003	Hà Tĩnh		
9	B00231	Hà Thị Phương	Thuyền	Nữ	14.01.2003	Tuyên Quang		
10	B00232	Nguyễn Lê Thanh	Thủy	Nữ	18.03.2002	Hà Nội		
11	B00233	Hoàng Thị Thu	Thủy	Nữ	02.03.2001	Bắc Ninh		
12	B00234	Lò Thị	Thúy	Nữ	01.07.2004	Điện Biên		
13	B00235	Hoàng Thuý	Thúy	Nữ	16.10.2001	Thanh Hoá		
14	B00236	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	11.05.2002	Hà Nội		
15	B00237	Bùi Việt	Thùy	Nữ	06.10.1999	Hải Phòng		
16	B00238	Trương Thu	Thủy	Nữ	12.06.2003	Thanh Hoá		
17	B00239	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	19.08.2002	Yên Bái		
18	B00240	Lê Anh	Tiến	Nam	23.08.2003	Thái Bình		
19	B00241	Lại Văn	Toàn	Nam	09.09.1986	Nam Định		
20	B00242	Quách Huyền	Trâm	Nữ	10.11.2000	Phú Thọ		
21	B00243	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	27.11.2001	Hải Dương		
22	B00244	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	25.11.2003	Thái Bình		
23	B00245	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	10.11.1999	Hải Phòng		
24	B00246	Lê Thu	Trang	Nữ	12.12.1999	Hà Nội		
25	B00247	Lại Thị	Trang	Nữ	26.04.1999	Thanh Hoá		
26	B00248	Hoàng Huyền	Trang	Nữ	19.05.2003	Thanh Hoá		
27	B00249	Lường Thủy	Trang	Nữ	04.12.2002	Hòa Bình		
28	B00250	Ngô Thị	Trang	Nữ	24.11.2003	Thanh Hoá		
29	B00300	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	26.07.1999	Hà Tĩnh		
30	B00301	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	11.04.2003	Hà Nội		
31	B00302	Lệnh Thị	Nhội	Nữ	30.05.1990	Hà Giang		

Số thí sinh theo danh sách: 31

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 11 (608 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00251	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	28.05.2003	Hà Nội		
2	B00252	Chu Huyền	Trang	Nữ	27.04.2003	Hà Nội		
3	B00253	Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	10.11.2003	Phú Thọ		
4	B00254	Lưu Thị Thu	Trang	Nữ	17.11.2003	Hà Nội		
5	B00255	Phạm Huyền	Trang	Nữ	10.03.2003	Ninh Bình		
6	B00256	Phạm Hà	Trang	Nữ	17.09.2003	Sơn La		
7	B00257	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	08.02.2003	Bắc Giang		
8	B00258	Nguyễn Thị Thuý	Trang	Nữ	22.08.2003	Hà Nội		
9	B00259	Lê Thị Thuý	Trang	Nữ	19.07.2002	Vĩnh Phúc		
10	B00260	Lê Hoàng	Trang	Nam	10.12.2003	Cà Mau		
11	B00261	Hồ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	18.03.2003	Nghệ An		
12	B00262	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	13.08.2003	Nghệ An		
13	B00263	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	26.10.2003	Bắc Giang		
14	B00264	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	02.03.2003	Thanh Hóa		
15	B00265	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	16.10.2003	Vĩnh Phúc		
16	B00266	Mai Văn	Trực	Nam	26.07.2003	Thanh Hoá		
17	B00267	Lê Viết	Trung	Nam	21.04.2003	Hà Nội		
18	B00268	Ngô Quốc	Trung	Nam	27.08.2003	Nam Định		
19	B00269	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	13.11.2002	Hà Nam		
20	B00270	Hoàng Thị	Tú	Nữ	05.02.2003	Hải Phòng		
21	B00271	Nguyễn Bá	Tú	Nam	05.08.2003	Nghệ An		
22	B00272	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	05.08.1989	Hà Nội		
23	B00273	Lê Minh	Tuấn	Nam	16.09.2003	Thái Bình		
24	B00274	Trương Mậu	Tuấn	Nam	07.02.1998	Hải Dương		
25	B00295	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	28.09.1998	Hung Yên		
26	B00296	Lê Thị	Nhi	Nữ	27.07.2003	Thanh Hóa		
27	B00303	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19.12.1991	Hà Nội		
28	B00304	Phan Thị Hồng	Nhung	Nữ	10.04.2000	Hà Nội		
29	B00305	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	17.09.1987	Hà Nội		
30	B00306	Trần Đức Hải	Phương	Nam	09.09.2003	Hà Nội		
31	B00307	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	12.01.2002	Bắc Ninh		
32	B00308	Lò Thị Mai	Trinh	Nữ	16.05.2004	Điện Biên		
33	B00309	Nguyễn Quý	Vinh	Nam	16.11.2003	Vĩnh Phúc		
34	B00310	Hồ Phương	Yên	Nữ	25.09.2003	Tuyên Quang		

Số thí sinh theo danh sách: 34

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 12 (609 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 12/07/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00275	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	06.12.2003	Hà Nam		
2	B00276	Vũ Đình	Tuấn	Nam	17.01.2001	Hải Dương		
3	B00277	Vương Thiên	Tuệ	Nam	21.12.2001	Hà Nội		
4	B00278	Lê Ngọc	Tùng	Nam	18.06.2001	Ninh Bình		
5	B00279	Hoàng Thị	Tươi	Nữ	28.03.2003	Nam Định		
6	B00280	Hà Anh	Tuyển	Nam	25.12.2003	Phú Thọ		
7	B00281	Dương Thanh	Tuyết	Nữ	22.10.2003	Lào Cai		
8	B00282	Nguyễn Kiều	Uyên	Nữ	31.10.2003	Bình Phước		
9	B00283	Ngô Hoàng Thanh	Vân	Nữ	17.01.2003	Hà Nội		
10	B00284	Phùng Thị Tường	Vi	Nữ	28.12.1998	Hung Yên		
11	B00285	Vũ Hải	Việt	Nam	27.02.2002	Ninh Bình		
12	B00286	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	30.05.2002	Vĩnh Phúc		
13	B00287	Hoàng Thị	Vườn	Nữ	08.10.1991	Cao Bằng		
14	B00288	Ma Thị Cẩm	Xuyên	Nữ	05.11.1995	Tuyên Quang		
15	B00289	Nguyễn Ngọc	Yên	Nữ	03.12.2003	Bắc Ninh		
16	B00290	Lê Ngọc Bảo	Yến	Nữ	18.09.2001	Hà Nội		
17	B00291	Đoàn Thị Kim	Yến	Nữ	22.08.2003	Bắc Giang		
18	B00292	Dương Anh	Quân	Nam	13.09.1998	Hà Nội		
19	B00293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26.03.2002	Bắc Ninh		
20	B00294	Đặng Hồng	Quân	Nam	09.06.2003	Nghệ An		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)